

Bản án số: **247 /2017/HSPT**

Ngày: 31-8-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Bùi Văn Phương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 193/2017/HSPT ngày 10 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn T.

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện T1.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1946; HKTT và hiện cư trú: ấp T2, xã T3, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm: 1916 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1917 (đã chết); Anh, chị, em: có 09 người, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1940 (đã chết); Con: có 10 người, lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không; Áp dụng

biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1973; HKTT và hiện cư trú: ấp B, xã T3, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1940 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1946; Anh, chị, em: có 10 người, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Vợ: Lê Thị H1, sinh năm: 1975; Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: ngày 01/01/2017; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn T là: Luật sư Lê Hữu P - Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).*

Ngoài ra, trong vụ án bị cáo Nguyễn Minh Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T1 thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện kế hoạch số: 02 ngày 13/4/2016 của Công an huyện T1 về việc triệt xóa tụ điểm đá gà ăn thua bằng tiền, tại ấp T2, xã T3, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp. Kế hoạch chia làm ba tổ và được phân công nhiệm vụ cụ thể.

Đến khoảng 14 giờ ngày 14/4/2016, các tổ tiến hành làm nhiệm vụ theo sự phân công, lúc này anh Lý Văn D (Tổ trưởng tổ 2) cùng các anh Trương Văn T4, Trần Văn T5, Đào Quốc Đ, Võ Chúc P1, Huỳnh Văn C1, Nguyễn Phước T6 và Bùi Văn Đ1 (tất cả đều mặc thường phục) chạy vào khu đất đang diễn ra đá gà trước nhà Nguyễn Thị N, ở ấp T2, xã T3, huyện T1 để bắt giữ các đối tượng tham gia đá gà ăn thua bằng tiền, khi lực lượng Công an đến thì các đối tượng tham gia đá gà bỏ chạy ném lại gà và giỏ xách đựng gà vào sào nhà của Nguyễn Thị N. Lúc này anh Đào Quốc Đ đến xung hô “*Chúng tôi là lực lượng Cảnh sát hình sự Công an huyện T1*”, đồng thời thực hiện nhiệm vụ tiến hành tạm giữ tang vật, phương tiện để xác minh làm rõ, sau đó anh Đào Quốc Đ cùng

các thành viên trong Tổ công tác tiến hành thu gom gà, giỏ xách đựng gà và xe mô tô, trong lúc anh Đ đang thu gom gà, giỏ xách đựng gà tại sân nhà Nguyễn Thị N thì N, Nguyễn Văn T (con ruột của N) đến giật lấy lại 02 con gà trống (trong đó T giật lại 01 con gà trống bông), nên anh Đ dùng công cụ hỗ trợ (súng bắn đạn cao su) bắn chỉ thiên một phát trúng vào sân nhà Nguyễn Thị N, lúc này anh Đ mang 01 con gà, 01 giỏ xách đựng gà ra đưa cho anh Trương Văn T4 giữ để tiến hành lập biên bản vụ việc, trong lúc anh T4 đang giữ gà và giỏ xách đựng gà thì Nguyễn Thị N, Lê Mỹ D1 (con dâu của N), Nguyễn Văn Đ1 (con ruột của N) đến giật lại gà và giỏ xách đựng gà trên tay anh T4. Lúc này, anh Nguyễn Văn S (Tổ trưởng tổ 3) cùng với anh Lê Phúc E (mặc trang phục Công an theo quy định) và các anh Dương Quốc H2, Phạm Thanh T7, Trần Văn T8 (mặc trang phục Công an Xã theo quy định) và Lê Thanh L, Phan Vương L1, Võ Văn T9, Đỗ Văn C2, Trần Văn T10, Võ Hoài P2, Trương Hoài D2 (mặc trang phục Xã đội theo quy định) đến hỗ trợ. Khi anh Nguyễn Văn S đến thì anh Đ đang dẫn xe mô tô, lúc này Nguyễn Văn T dùng hai tay nắm xe kéo lại không cho anh Đ dẫn xe đi, vì T cho rằng xe của Nguyễn Văn K (em ruột T), thấy vậy anh S đến giải thích cho T hiểu là lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ nhưng T không chấp hành, nên anh S ra lệnh mời T về cơ quan Công an Huyện làm việc, khi anh Lý Văn D đến nắm tay Nguyễn Văn T thì bị T dùng chân đạp trúng vào bụng làm anh D ngã trúng anh Đ đang đứng phía sau nên anh Đ ngã theo làm công cụ hỗ trợ (súng bắn đạn cao su) đang cầm trên tay tước cò nổ trúng vào ngực của T, nên T nhặt 01 khúc cây định đánh anh Đ nhưng được mọi người can ngăn, sau đó gia đình đưa Nguyễn Văn T đến Bệnh viện Đa khoa huyện T1 cấp cứu. Lúc này nhiều người la hét lớn tiếng, chửi và vây đánh anh Đ. Trong đó, Nguyễn Minh Q (là chú họ của T) dùng tay trái đánh trúng vào cổ và nắm áo anh Đ kéo về phía sau làm đứt sợi dây chuyền đang đeo trên cổ, sau đó Lê Mỹ D1 dùng dây nhựa kéo ngang đường ngăn cản không cho lực lượng Công an đưa anh Đ về, khoảng 30 phút sau thì lực lượng Công an mới đưa anh Đ về trụ sở Công an Huyện.

Trong lúc chốt chặn tại đầu đường vào nhà Nguyễn Thị N, thì anh Nguyễn Thanh T11, Công an viên xã T3 (mặc trang phục Công an xã theo quy định) ngăn cản không cho Nguyễn Văn D3 (con ruột của N) chạy vào nhà nên D3 dùng tay đánh trúng vào vai của anh T11 01 cái, sau đó bỏ chạy vào nhà Nguyễn Thị N.

** Vật chứng thu giữ được gồm:*

- 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 66M3-38xx của Trần Văn X, 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 66F7-96xx của Nguyễn Văn S1 và 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 66L9-73xx của Nguyễn Văn H3, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã trao trả lại cho X, S1 và H3 quản lý.

- 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 52K5-03xx và 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 52M3-74xx, có thông báo truy tìm chủ sở hữu, nhưng chưa tìm được.

- 03 con gà trống và 05 cái giỏ xách đệm đựng gà. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã tiến hành tiêu hủy xong.

- 01 sợi dây chuyền vàng 24 kara, trọng lượng 10 chỉ của anh Đào Quốc Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã trao trả lại cho anh Đ quản lý.

** Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 174/TgT-TTPY ngày 19/5/2016 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Đồng Tháp kết luận về thương tích của Đào Quốc Đ như sau:*

+ 03 vết xây sát da vùng cổ-gáy-ngực lành tốt.

+ Đa chấn thương phần mềm không để lại dấu vết sau chấn thương.

+ Tỷ lệ thương tật 03% tại thời điểm giám định.

** Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 165/TgT-TTPY ngày 19/5/2016 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Đồng Tháp kết luận về thương tích của Nguyễn Văn T như sau:*

+ Sẹo vết thương phần mềm vùng hõm ức phía trên đầu trong xương đòn trái sẹo lành tốt.

+ Tỷ lệ thương tật là 01% tại thời điểm giám định.

Đối với thương tích của anh Đào Quốc Đ, tỷ lệ thương tật: 03%, ở giai đoạn điều tra anh Đ không có yêu cầu xử lý hình sự và dân sự.

Đối với thương tích của Nguyễn Văn T, tỷ lệ thương tật: 01%, ở giai đoạn điều tra bị cáo T chưa có yêu cầu anh Đ bồi thường về dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017, Toà án nhân dân huyện T1 đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Q, đồng phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 257; khoản 1 Điều 20; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội khoá 13, điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 31 - 5 - 2017).

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị N thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 257; khoản 1 Điều 20; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01 - 01 - 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 257; khoản 1 Điều 20; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh Q 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08 - 01 - 2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Ngày 07 tháng 6 năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 16/6/2017 bị cáo T có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa Luật sư Lê Hữu P bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn T cho rằng: Thống nhất Kế hoạch số 02 ngày 13/4/2016 của Công an huyện T1 về việc triệt xóa tụ điểm đá gà ăn thua bằng tiền là đúng, vì đảm bảo an ninh trật tự và được người dân đồng tình ủng hộ. Tuy nhiên người thực hiện công vụ đã thực hiện công vụ không đúng theo quy định pháp luật thể hiện: Tại nhà bị cáo N không có diễn ra đá gà, do trước sân có để vật tư xây dựng; sự việc đá gà đã diễn ra trước đó khoảng 20 đến 30 phút; vào ngày 14/4/2016 anh

Đào Quốc Đ không thi hành công vụ vì không mặc sắc phục Công an mà mặc thường phục, không xuất trình thẻ ngành; những con gà của bị cáo N không có đá, hành vi giết lại gà của bị cáo N và bị cáo T là không sai vì khi bị người khác bắt giữ không rõ lý do thì việc giữ lại tài sản đó là lẽ đương nhiên, vì tài sản đó thuộc sở hữu hợp pháp của mình; việc bị cáo T giữ lại xe mô tô của em mình là đúng vì khi thu giữ người thi hành công vụ không lập biên bản; trong vụ án này bị cáo N và bị cáo T không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hay thủ đoạn khác để cản trở người thi hành công vụ hay ép anh Đ làm trái quy định pháp luật, mặt khác anh Đ không thể hiện mình đang thi hành công vụ vào thời điểm đó; hành vi dùng súng của anh Đ bắn vào người bị cáo T là sai quy định pháp luật. Vì vậy không có đủ yếu tố khách quan, chủ quan chứng minh hành vi các bị cáo N và T đã xâm phạm đến người thi hành công vụ. Ngoài ra về tố tụng có sự vi phạm nghiêm trọng do các bị cáo N và T đều không biết chữ nhưng các biên bản hỏi cung bị can không được đưa người khác đọc nhằm đảm bảo khách quan trước khi đưa cho các bị cáo ký tên; trong vụ án có Luật sư tham gia bào chữa cho các bị cáo N và T nhưng Cơ quan điều tra không mời chứng kiến khi hỏi cung bị can; biên bản phạm tội quả tang được lập chậm hơn 2-3 ngày kể từ ngày xảy ra sự việc.

Từ cơ sở trên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án hình sự sơ thẩm và thay đổi biện pháp ngăn chặn trả tự do cho bị cáo T.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị N và bị cáo Nguyễn Văn T cho rằng: các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án oan, vì các bị cáo không có chống người thi hành công vụ và thống nhất với lời bào chữa như nêu trên của Luật sư.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn T về việc kê oan, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm; không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư và trình bày của các bị cáo N và T tại phiên tòa do không có cơ sở, thể hiện hành vi của các bị cáo N và T đã đủ yếu tố cấu thành tội chống người thi hành công vụ, Cơ quan điều tra không có vi phạm tố tụng trong quá trình điều tra. Mặt khác tại phiên tòa người bào chữa và các bị cáo N và T không cung cấp thêm tình tiết và chứng cứ mới có cơ sở để được xem xét chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của các bị cáo, ngoài các tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Để thực hiện kế hoạch số: 02 ngày 13/4/2016 của Công an huyện T1 về việc triệt xóa tụ điểm đá gà ăn thua bằng tiền, tại ấp T2, xã T3, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp, đơn vị đã quyết định thành lập 03 tổ công tác gồm: Tổ 01 do anh Võ Trọng T12 phụ trách; Tổ 02 do anh Lý Văn D phụ trách và Tổ 03 do anh Nguyễn Văn S phụ trách. Vào lúc 14 giờ ngày 14/4/2016, các Tổ tiến hành làm nhiệm vụ theo sự phân công, các thành viên tổ 02 chạy vào khu đất đang diễn ra đá gà trước nhà bị cáo Nguyễn Thị N tại ấp T2, xã T3, huyện T1 để bắt giữ các đối tượng tham gia đá gà ăn thua bằng tiền. Khi lực lượng Công an đến thì các đối tượng tham gia đá gà bỏ chạy ném lại gà và giỏ xách đựng đựng gà vào sào nhà của bị cáo N. Lúc này anh Đào Quốc Đ là thành viên Tổ 02 đến xung hô *“Chúng tôi là lực lượng Cảnh sát hình sự Công an huyện T1”*, đồng thời thực hiện nhiệm vụ tiến hành tạm giữ tang vật, phương tiện có tại hiện trường và nơi nghi vấn để xác minh làm rõ, khi anh Đ cùng các thành viên trong Tổ công tác tiến hành thu gom gà, giỏ xách đựng đựng gà và xe mô tô, trong đó có thu gom gà, giỏ xách đựng đựng gà tại sào nhà bị cáo N thì bị cáo N, bị cáo Nguyễn Văn T (con ruột của bị cáo N) đến giật lấy lại 02 con gà trống, nên anh Đ dùng công cụ hỗ trợ (súng bắn đạn cao su) bắn chỉ thiên một phát để cảnh cáo, anh Đ mang 01 con gà, 01 giỏ xách đựng đựng gà ra đưa cho anh Trương Văn T4 giữ để tiến hành lập biên bản vụ việc, trong lúc anh T4 đang giữ gà và giỏ xách đựng đựng gà thì bị cáo N, Lê Mỹ D1 (con dâu của N), Nguyễn Văn Đ1 (con ruột của N) đến giật lại gà và giỏ xách đựng đựng gà trên tay anh T4. Lúc này, anh Nguyễn Văn S cùng thành viên Tổ 03 đến hỗ trợ, khi anh Đ đang dẫn xe mô tô thì bị cáo T dùng hai tay nắm xe kéo lại không cho anh Đ dẫn xe đi, vì bị cáo T cho rằng xe của Nguyễn Văn K (em ruột bị cáo T), thấy vậy anh S đến giải thích cho bị cáo T hiểu là lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ nhưng bị cáo T không chấp hành hiệu lệnh, nên anh S ra lệnh mời bị cáo T về cơ quan Công an

Huyện làm việc, khi anh Lý Văn D đến nắm tay bị cáo T thì bị bị cáo T vùng vẩy và dùng chân đạp trúng vào bụng làm anh D ngã trúng anh Đ đang đứng phía sau nên anh Đ ngã theo làm công cụ hỗ trợ (súng bắn đạn cao su) đang cầm trên tay tước cò nổ trúng vào ngực của bị cáo T, nên bị cáo T nhặt 01 khúc cây định đánh anh Đ nhưng được mọi người can ngăn, sau đó bị cáo T ngắt xiù và được gia đình đưa bị cáo đến Bệnh viện Đa khoa huyện T1 cấp cứu.

Xét thấy lời bào chữa của Luật sư cho các bị cáo N và T cùng với lời trình bày của bị cáo N và bị cáo T cho rằng các bị cáo N và T không phạm tội là không có cơ sở, bởi vì các bị cáo đã nhận thức được các chiến sĩ Công an đang làm nhiệm vụ là triệt phá tụ điểm đá gà ăn tiền xảy ra trước nhà bị cáo N, nhưng các bị cáo lại cố ý không chấp hành hiệu lệnh của người thi hành công vụ mà chống trả và cản trở bằng cách giật lại gà, giỏ đựng gà và nắm giữ lại xe mô tô là những vật chứng và tài sản nghi vấn có liên quan đến vụ việc cần giải quyết, không cho những người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ của mình trong việc thu giữ, lập biên bản để giải quyết theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó bị cáo T còn dùng vũ lực tấn công lại người thi hành công vụ bằng cách chống trả và đạp vào bụng của anh D. Về thủ tục tố tụng xét thấy vụ việc đá gà xảy ra vào ngày 14/4/2016 là có thật đã được Đội cảnh sát điều tra tội phạm hình sự, kinh tế và môi trường Công an huyện T1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản về việc chống người thi hành công vụ vào ngày 14/4/2016 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Việc không mời Luật sư bào chữa cho các bị cáo N và T tham gia chứng kiến khi lấy lời khai các bị cáo là vì các biên bản hỏi cung bị can đã được lập trước ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 cấp giấy chứng nhận người bào chữa cho Luật sư (ngày 17/02/2017), mặt khác các biên bản hỏi cung bị can đều được đọc lên cho các bị cáo nghe đúng nội dung mới ký tên vào biên bản, việc này các bị cáo cũng thừa nhận, trong đó có biên bản hỏi cung bị can có sự chứng kiến lấy lời khai của Kiểm sát viên ông Võ Văn Hiền N2 vào ngày 10/02/2017, chứng tỏ các biên bản hỏi cung bị can là khách quan đúng pháp luật, Cơ quan điều tra không có vi phạm tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo N và T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan nhà nước, cản trở người thi hành công vụ hoàn thành nhiệm vụ của mình và xâm phạm đến sức khỏe, uy tín của

người thi hành công vụ được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây xôn xao trong dư luận quần chúng nhân dân. Lẽ ra các bị cáo phải kiềm chế bản thân, chấp hành hiệu lệnh của người thi hành công vụ và có cách ứng xử đúng pháp luật và có văn hóa, như trong trường hợp nếu người thi hành công vụ có gì sai trái thì có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật, đằng này các bị cáo lại xem thường kỷ cương pháp luật có hành vi cố ý chống đối quyết liệt và cản trở người thi hành công vụ. Bị cáo N là người đã lớn tuổi (trên 70 tuổi) lẽ ra bị cáo phải làm gương, khuyên nhủ con cháu và những người khác nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, ngược lại ngay từ đầu chính bị cáo đã có những hành vi cản trở quyết liệt đối với lực lượng đang làm nhiệm vụ như giật lại bằng được gà, giỏ đệm đựng gà từ trên tay các anh Công an đang thi hành công vụ, hành vi đó đã kích động cho sự kiên quyết của bị cáo T nắm giành giật lại xe không cho lực lượng thu gom vật chứng, tài sản nghi là vật chứng đồng thời vùng vẫy không chấp hành hiệu lệnh mời về trụ sở làm việc của lực lượng Công an và còn dùng chân đạp vào bụng anh Lý Văn D (Công an huyện T1 đang thi hành công vụ). Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm trước pháp luật và áp dụng hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những nội dung trên, xét đơn kháng cáo của các bị cáo N và T về việc kê oan, không phạm tội là không có đủ cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Vì vậy giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo N và T là phù hợp. Tuy nhiên cần điều chỉnh việc áp dụng một số điều khoản cho phù hợp quy định mới của pháp luật.

Do kháng cáo của các bị cáo N, T không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T về việc kê oan. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 257; khoản 1 Điều 20; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 31 tháng 5 năm 2017

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị N thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 257; khoản 1 Điều 20; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giam ngày 01 tháng 01 năm 2017.

*** Về án phí:** Các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở tư pháp Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV- THA.TA tỉnh Đồng Tháp;

(Đã ký)

- TAND huyện T1;
- VKSND huyện T1;
- CCTHADS huyện T1;
- Trại tạm giam tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA (Nghĩa).

Ngô Tấn Lợi